DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Điểm kiểm tra quá trình

Học Kỳ 2 - Năm Học 2019-2020

Môn Thi/Nhóm **Cơ chất lỏng (CENG1203) - XD91** Số Tín Chỉ: 2
CBGD **Trần Thúc Tài (CT025)**
Ngày Thi / / Phòng Thi

In Ngày 15/01/2020

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nhóm	Điểm số	Điểm Chữ	Số Tờ	Chữ Ký	Ghi Chú
1	1951022004	NGUYỄN BẢO	ANH	27/09/00	XD91					
2	1951020003	NGUYỄN THIÊN	ÂN	24/01/01	XD91					
3	1951022006	NGUYỄN VĂN ANH	BẢO	12/09/01	XD91					
4	1951022007	TRƯƠNG VĂN	DĨ	06/05/01	XD91					
5	1951023008	PHAN TẤN	DŨNG	23/07/01	XD91					
6	1951022013	ĐỖ LÊ THÀNH	ĐẠT	04/02/01	XD91					
7	1951020014	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	15/01/01	XD91					
8	1951022024	TRẦN NGỌC	HẢI	30/01/01	XD91					
9	1951022027	LÊ VĂN	HẬU	01/06/00	XD91					
10	1951022028	NGUYỄN TẤN PHÚC	HẬU	25/09/01	XD91					
11	1951022033	PHÙNG TRUNG	HIẾU	01/08/01	XD91					
12	1951020019	NGUYỄN PHẠM PHÚC	HOÀNG	19/07/01	XD91					
13	1951022038	PHẠM LÊ XUÂN	HOÀNG	15/10/01	XD91					
14	1951022040	HOÀNG GIA	HUY	06/02/01	XD91					
15	1951020024	PHẠM QUỐC	HUY	18/10/01	XD91					
16	1951020028	HUỲNH CÔNG	KA	20/07/01	XD91					
17	1951022046	NG~ BẠCH PHÚC AN	KHANG	13/09/01	XD91					
18	1951020032	TRẦN TRIỆU DUY	KHÁNH	11/11/01	XD91					
19	1951022049	VÕ VĂN ANH	KIỆT	13/09/00	XD91					
20	1951022052	LÊ ĐOÀN TÙNG	LÂM	28/03/01	XD91					
21	1951022056	VŨ THANH	LIÊM	20/05/01	XD91					
22	1951022059	VƯƠNG HÀ ĐẠI	LONG	29/10/01	XD91					
23	1951022060	NGUYỄN HỮU	LỘC	24/08/01	XD91					
24	1951022062	LÊ HỮU	LUÂN	06/10/01	XD91					
25	1951022063	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	05/01/01	XD91					
26	1951022066	NGUYỄN QUAN	MINH	11/12/01	XD91					
27	1951023013	NGUYỄN THỊ THU	NGA	24/06/01	XD91					
28	1951022072	NGUYỄN HOÀNG BÍCH	NGÂN	21/06/01	XD91					
29	1951022073	HUỲNH CHÍ	NGHIỆM	25/08/01	XD91					
30	1951022075	NGUYỄN PHẠM KIM	NGỌC	26/02/01	XD91					
31	1951022079	TRƯƠNG MỸ XUÂN	NHI	09/02/01	XD91					
32	1951022081	NGUYỄN VĨNH	PHÁT	10/12/01	XD91					
33	1951022082	ĐỖ CÔNG	PHÚC	22/02/01	XD91					
34	1951022083	LÊ THỊ HOÀI	PHÚC	28/04/01	XD91					
35	1951023014	NGUYỄN QUÝ	QUANG	11/05/01	XD91					
36	1951022089	TRẦN CÔNG	QUÝ	02/09/01	XD91					
37	1951020060	TRẦN DƯƠNG NHÂN	QUYỀN	05/10/01	XD91					
38	1951022090	ĐẶNG THANH	SANG	29/04/01	XD91					
39	1951022092	THÁI PHƯỚC	SANG	13/10/00	XD91					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Điểm kiểm tra quá trình

Môn Thi/Nhóm **Cơ chất lỏng (CENG1203) - XD91** Số Tín Chỉ: 2

In Ngày 15/01/2020

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Nhóm	Điểm số	Điểm Chữ	Số Tờ	Chữ Ký	Ghi Chú
40	1951022094	HUỲNH TRÍ	SƠN	15/07/01	XD91					
41	1951022101	NGUYỄN THỊ NHƯ	THẢO	17/08/01	XD91					
42	1951022102	NGUYỄN TRỌNG	THẢO	01/09/00	XD91					
43	1951023018	LÊ	THỊNH	23/10/01	XD91					
44	1951022107	PHẠM TIẾN	THỊNH	28/07/01	XD91					
45	1951022108	PHÙNG QUỐC	THỊNH	26/04/01	XD91					
46	1951022112	TỪ ĐỒNG	THUẬN	15/06/01	XD91					
47	1951022114	TRẦN VIẾT	TIẾN	01/10/01	XD91					
48	1951022115	VŨ MINH	TIẾN	01/01/00	XD91					
49	1951022120	NGUYỄN BẢO	TRÂN	27/04/01	XD91					
50	1951022123	NGUYỄN THẾ	TRUNG	27/02/01	XD91					
51	1951022124	PHAN THÀNH	TRUNG	26/09/01	XD91					
52	1951022126	ĐẶNG KHẮC	TRƯỜNG	18/05/01	XD91					
53	1951020075	PHẠM NGUYỄN DUY	TUÂN	19/05/01	XD91					
54	1951042132	LÂM DƯ MINH	TUẤN	30/05/01	XD91					
55	1951022130	TRẦN NHỰT	TƯỜNG	21/02/01	XD91					
56	1951022131	TRẦN LÊ NGỌC	VĂN	17/01/01	XD91					
57	1951022132	NGÔ VŨ ĐÌNH	VINH	31/05/01	XD91					
58	1951022134	TRỊNH QUANG	VINH	25/05/01	XD91					
59	1951022137	TRẦN MINH	VŨ	26/12/00	XD91					
60	1951022138	GIANG LÊ THÀNH	VƯƠNG	28/04/01	XD91					

Số SV dự thi: _____ Số vắng thi: _____

Số bài thi: _____ Số tờ giấy thi: _____

Ngày _____ tháng _____ năm 20__

Cán bộ Coi thi 1
(Ký và ghi rõ Họ tên)

Cán bộ Coi thi 2
(Ký và ghi rõ Họ tên)

Giáo viên chấm thi
(Ký và ghi rõ Họ tên)